

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 05/2020/DS-PT
Ngày 12-3-2020
V/v tranh chấp về số tiền bảo hiểm
trách nhiệm dân sự

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Thẩm phán:

Bà Trần Minh Phương

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hồng Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp số tiền bảo hiểm trách nhiệm dân sự.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Ngọc T; địa chỉ: Số X đường L, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Đình T; địa chỉ: Số X đường L, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng (bố đẻ anh Vũ Ngọc T) là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 7 năm 2019 và ngày 09 tháng 3 năm 2020); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị Th; địa chỉ: Số Y đường T, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Hoàng Thị Th là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu của nguyên đơn: Ngày 12/9/2016 anh Vũ Ngọc T thuê bà Hoàng Thị Th chiếc xe ô tô ALTIS biển số 15A-168.77, việc thuê xe

không có hợp đồng, anh Vũ Ngọc T để lại xe mô tô SH để làm tin. Sau khi thuê xe anh Vũ Ngọc T điều khiển xe trên Quốc lộ 10 đến xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng thì gây tai nạn làm 02 em học sinh tử vong và 01 em bị gãy chân, xe ô tô và 03 xe đạp điện bị hư hỏng nặng. Xe ô tô của bà Hoàng Thị Th có mua bảo hiểm của Công ty B, mức bảo hiểm 100.000.000 đồng/người. Sau khi tai nạn xảy ra ông Vũ Đình T (bố anh Vũ Ngọc T) đã bồi thường cho 02 người chết là 240.000.000 đồng; 01 người gãy chân là 70.000.000 đồng; 03 xe đạp là 15.000.000 đồng; tổng cộng là 325.000.000 đồng. Trong số tiền nêu trên, bà Hoàng Thị Th đã bồi thường cho người bị hại 100.000.000 đồng, còn lại ông Vũ Đình T bồi thường là 225.000.000 đồng; ngoài ra khi anh Vũ Ngọc T nhận lại xe mô tô SH bà Hoàng Thị Th yêu cầu anh Vũ Ngọc T nộp 20.000.000 đồng. Ngày 24/01/2017 Công ty B đã thanh toán bảo hiểm cho bà Hoàng Thị Th với tổng số tiền 230.500.000 đồng là tiền bảo hiểm trách nhiệm dân sự cho người bị hại mà ông Vũ Đình T đã bỏ ra để bồi thường trước cho bị hại. Ngày 19/4/2017 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng đã xử phạt anh Vũ Ngọc T 04 năm tù. Anh Vũ Ngọc T đã nhiều lần yêu cầu bà Hoàng Thị Th phải trả lại số tiền mà Công ty Bảo hiểm đã thanh toán, nhưng bà Hoàng Thị Th không trả.

Nay anh Vũ Ngọc T yêu cầu bà Hoàng Thị Th phải trả anh số tiền: Tiền Công ty B chi trả là 230.500.000 đồng và số tiền 20.000.000 đồng bà Hoàng Thị Th yêu cầu anh Vũ Ngọc T nộp cho bà Hoàng Thị Th khi anh Vũ Ngọc T nhận lại xe mô tô SH; tổng cộng là 250.500.000 đồng trừ đi số tiền bà Hoàng Thị Th đã bồi thường cho bị hại là 100.000.000 đồng; còn lại bà Hoàng Thị Th phải trả lại anh Vũ Ngọc T là 150.500.000 đồng.

Trình bày và yêu cầu phản tố của bị đơn: Ngày 12/9/2016 bà cho anh Vũ Ngọc T mượn chiếc xe ALTIS biển số 15A-16877, thời gian ½ ngày từ 7 giờ đến 11 giờ. Việc anh Vũ Ngọc T mượn xe không có hợp đồng và không có giá tiền là vì: Anh Vũ Ngọc T là khách hàng quen thường xuyên thuê xe của Công ty do bà là giám đốc. Trước đó anh Vũ Ngọc T đã thuê của Công ty chiếc xe KIA K3, đến ngày 11/9/2016 là hết hạn hợp đồng và đã trả xe nhưng còn nợ tiền thuê xe 6.000.000 đồng không có giấy tờ. Đến ngày 12/9/2016 khi anh Vũ Ngọc T đến thuê xe thì Công ty hết xe, bà chỉ còn chiếc xe của gia đình đang sử dụng là xe ALTIS biển số 15A-16877, anh Vũ Ngọc T hỏi được thuê chiếc xe này 01 ngày. Vì là xe riêng của gia đình sử dụng không kinh doanh nên bà chỉ cho anh Vũ Ngọc T mượn tạm trong thời gian từ 7 giờ đến 11 giờ phải trả xe và bà không lấy tiền thuê xe. Đến 12 giờ cùng ngày bà nhận được tin là anh Vũ Ngọc T lái xe đã gây tai nạn hậu quả như anh Vũ Ngọc T đã trình bày. Sau khi tai nạn xảy ra bà đã đưa cho ông Vũ Đình T vay số tiền 100.000.000 đồng để ông Vũ Đình T bồi thường trước cho các bị hại. Ngoài ra bà và anh Vũ Ngọc T còn thỏa thuận anh Vũ Ngọc T phải bồi thường cho bà 100.000.000 đồng giảm giá trị thương mại của chiếc xe. Về nguyên tắc khi xe tai nạn thì người điều khiển phương tiện được hưởng Bảo hiểm thân thể,

nhưng vì số tiền bà phải chi phí như trên nên khi bà lĩnh tiền Bảo hiểm bà không trả cho anh Vũ Ngọc T. Nay anh Vũ Ngọc T khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 150.500.000 đồng bà không đồng ý.

Nay bà Hoàng Thị Th phản tố và yêu cầu anh Vũ Ngọc T phải trả bà số tiền như sau: Tiền ông Vũ Đình T vay của bà số tiền 100.000.000 đồng để ông Vũ Đình T bồi thường cho các bị hại; tiền bồi thường 100.000.000 đồng giảm giá trị thương mại của chiếc xe; tiền sửa xe ngoài bảo hiểm 4.000.000 đồng; tiền thuê xe để đi 135.000.000 đồng (mỗi tháng 27.000.000 đồng x 05 tháng). Tổng cộng là 339.000.000 đồng, trừ đi số tiền Công ty B thanh toán 230.500.000 đồng. Còn lại yêu cầu anh Vũ Ngọc T phải trả bà Hoàng Thị Th là 108.500.000 đồng.

Công ty B có văn bản số 239/2019/CV ngày 07/6/2019 có ý kiến: Căn cứ vào Giấy biên nhận tiền, biên bản thỏa thuận đã được chủ xe và người đại diện gia đình các bên đã ký nhận. Căn cứ vào kết luận của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Vĩnh Bảo. Công ty B đã lập hồ sơ bồi thường cho chủ xe Hoàng Thị Th số tiền 230.500.000 đồng và không còn khiếu nại gì về việc bồi thường.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 284, 584, 585 của Bộ luật Dân sự; các điều 12, 17, 18 và Điều 53 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài Chính; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Ngọc T, buộc bà Hoàng Thị Th phải trả anh Vũ Ngọc T số tiền 130.500.000 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị Th, buộc anh Vũ Ngọc T phải trả bà Hoàng Thị Th số tiền 4.000.000 đồng. Bù trừ nghĩa vụ bà Hoàng Thị Th còn phải trả cho anh Vũ Ngọc T số tiền 126.500.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Ngọc T đối với số tiền 20.000.000 đồng tiền anh Vũ Ngọc T đưa cho bà Hoàng Thị Th khi nhận lại xe SH. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị Th đối với số tiền 100.000.000 đồng tiền giảm giá trị thương mại của xe ô tô BKS 15A-168.77 và số tiền 135.000.000 đồng thuê xe. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/11/2019, bà Hoàng Thị Th kháng cáo một phần bản án Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà về việc buộc nguyên đơn phải trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng giảm giá trị thương mại xe ô tô đã có thỏa thuận từ trước. Lý do kháng cáo là vì quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền theo bản án sơ thẩm đã quyết định.

Bị đơn là bà Hoàng Thị Th là người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bà về việc buộc nguyên đơn phải trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng giảm giá trị thương mại xe. Lý do là trong quá trình giải quyết vụ việc tai nạn tại cơ quan Công an giữa bà và anh Vũ Ngọc T đã 2 lần lập biên bản thỏa thuận với nhau về việc anh Vũ Ngọc T phải trả bà số tiền 100.000.000 đồng tiền mà ông Vũ Đình T là bố đẻ anh Vũ Ngọc T đã vay của bà để bồi thường cho người bị hại và 100.000.000 đồng tiền giảm giá trị thương mại chiếc xe. Việc thỏa thuận đều lập biên bản do điều tra viên và công chứng viên chứng kiến. Số tiền vay anh Vũ Ngọc T và ông Vũ Đình T cũng đã chấp nhận trả, nhưng tiền giảm giá trị thương mại lại không đồng ý. Vì sau khi tai nạn xảy ra, chiếc xe của bà đã được sửa chữa xong nhưng khi bà bán đi thì không được giá như khi xe không bị tai nạn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo. Vì Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài Chính không chấp nhận yêu cầu phản tố này của bị đơn là không có cơ sở và thỏa thuận của các đương sự được lập là thỏa thuận dân sự và hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Đây là tranh chấp kiện đòi lại số tiền bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại quận Kiến An, thành phố Hải Phòng nên căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Về xác định người tham gia tố tụng: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn cũng như yêu cầu phản tố của bị đơn, các đương sự không tranh chấp về số tiền bảo hiểm do Công ty B chi trả mà nguyên đơn yêu cầu khởi kiện đòi lại số tiền bảo hiểm bị đơn đã nhận từ Công ty B, bởi nguyên đơn là người trực tiếp bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại trong vụ tai nạn giao thông. Do đó,

Bản án sơ thẩm xác định và không đưa Công ty B vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ . Tuy nhiên, tại phần đầu bản án sơ thẩm vẫn ghi người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty B là không đúng. Ngoài ra, trong vụ án này, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành lấy lời khai của ông Phạm Anh T (là chồng của bà Hoàng Thị Th) để xem xét quyền, nghĩa vụ của ông Phạm Anh T liên quan đến vụ việc là có thiếu sót nhưng không ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Bởi lẽ, khoản tiền bảo hiểm bị đơn được Công ty B chi trả xuất phát từ việc bị đơn tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự cho chiếc xe ô tô ALTIS biển số 15A-16877. Đây là tài sản chung của vợ chồng bà Hoàng Thị Th và ông Phạm Anh T. Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm ông Phạm Anh T có ý kiến xe ô tô là tài sản chung của vợ chồng nhưng ông giao toàn quyền cho bà Hoàng Thị Th xử lý và giải quyết vấn đề tranh chấp và đề nghị không đưa ông Phạm Anh T vào tham gia tố tụng.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn về số tiền phản tố 100.000.000 đồng giảm giá trị thương mại chiếc xe không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận : Ngày 24/01/2017 và ngày 08/02/2017 giữa nguyên đơn và bị đơn đã lập biên bản thỏa thuận giải quyết dân sự và biên bản thỏa thuận . Tại các biên bản này đều ghi nhận nội dung anh Vũ Ngọc T bồi thường cho bà Hoàng Thị Th số tiền xe ô tô 15A 168.77 bị giảm giá trị thương mại là 100.000.000 đồng. Văn bản do các bên có đủ năng lực pháp luật dân sự, tự nguyện thỏa thuận, lập và cùng ký, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên lời khai của anh Vũ Ngọc T cho rằng mình bị ép buộc là không có cơ sở. Căn cứ khoản 4 Điều 496, khoản 3 Điều 499 Bộ luật Dân sự thì bên mượn tài sản phải bồi thường thiệt hại nếu làm mất, hư hỏng tài sản mượn, bên cho mượn tài sản có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với tài sản do bên mượn gây ra. Như vậy, việc bà Hoàng Thị Th đòi bồi thường thiệt hại giảm giá trị thương mại của chiếc xe ô tô là có cơ sở. Theo lời trình bày của bà Hoàng Thị Th, bà mua xe ngày 25/12/2014, trị giá xe là 935.000.000 đồng, ước tính trước khi xe xảy ra tai nạn thì trị giá xe theo khấu hao thị trường là 750.000.000 đồng. Ngoài mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự của Công ty B thì bà còn mua bảo hiểm vật chất của Ngân hàng và đã được bồi thường thiệt hại về tài sản đối với chiếc xe ô tô 15A 16877 với số tiền: 297.577.830 đồng. Sau khi được cơ quan điều tra bàn giao xe ngày 18/10/2016 thì bà Hoàng Thị Th còn sử dụng xe đến ngày 19/6/2017 mới bán chiếc xe được số tiền 570.000.000 đồng. Theo Điều 585 Bộ luật Dân sự thì việc thỏa thuận về mức bồi thường phải căn cứ vào thiệt hại thực tế nên cần chấp nhận một phần thỏa thuận của các đương sự về việc bồi thường tiền giảm giá trị thương mại xe ô tô, buộc anh Vũ Ngọc T phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Hoàng Thị Th 50% số tiền đã thỏa thuận bằng 50.000.000 đồng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của

Bộ Tài Chính không chấp nhận yêu cầu phản tố này của bị đơn là không đúng vì yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị Th đòi nguyên đơn số tiền giảm giá trị thương mại của xe ô tô là yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại theo quy định của Bộ luật Dân sự, chứ không phải là thỏa thuận khi tham gia bảo hiểm theo Luật Kinh doanh bảo hiểm. Như vậy, có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hoàng Thị Th, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần sửa nội dung này của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên cần xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, buộc anh Vũ Ngọc T phải chịu tiền án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận (20.000.000 đồng) và án phí đối với yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị Th được chấp nhận (50.000.000 đồng giảm giá trị thương mại xe ô tô và 4.000.000 đồng tiền sửa chữa xe ngoài bảo hiểm); buộc bà Hoàng Thị Th phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Ngọc T được Tòa án chấp nhận (130.500.000 đồng) và án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận (50.000.000 đồng tiền giảm giá trị thương mại xe ô tô và 135.000.000 đồng tiền 05 tháng thuê xe). Do vậy, căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì anh Vũ Ngọc T phải chịu án phí đối với số tiền 74.000.000 đồng; còn bà Hoàng Thị Th phải chịu án phí đối với số tiền 315.500.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên bị đơn là người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện quận Kiến An, thành phố Hải Phòng không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 116, Điều 117, Điều 274, Điều 275, Điều 280, khoản 4 Điều 496, khoản 3 Điều 499, Điều 585 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là bà Hoàng Thị Th, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Ngọc T, buộc bà Hoàng Thị Th phải trả anh Vũ Ngọc T số tiền 130.500.000 đồng (một trăm ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị Th, buộc anh Vũ Ngọc T phải trả bà Hoàng Thị Th số tiền 54.000.000 đồng (Trong đó: tiền giảm giá trị thương mại xe ô tô là 50.000.000 đồng và tiền sửa xe ngoài bảo hiểm là 4.000.000 đồng).

Bù trừ nghĩa vụ tại mục 1 và mục 2 thì bà Hoàng Thị Th còn phải trả cho anh Vũ Ngọc T số tiền 76.500.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Ngọc T đối với số tiền 20.000.000 đồng tiền anh Vũ Ngọc T đưa cho bà Hoàng Thị Th khi nhận lại xe máy SH.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị Th đối với số tiền 05 tháng thuê xe là 135.000.000 đồng và 50.000.000 đồng tiền giảm giá trị thương mại của xe ô tô BKS 15A-16877.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tính theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí:

+ Anh Vũ Ngọc T phải chịu 3.700.000 đồng (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả bị đơn và số tiền không được chấp nhận; được trừ vào số tiền anh Vũ Ngọc T đã nộp 3.700.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0010371 ngày 24 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An , thành phố Hải Phòng ; anh Vũ Ngọc T đã nộp đủ.

+ Bà Hoàng Thị Th phải chịu 15.775.000 đồng (Mười năm triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ; không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.900.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007587 ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An , thành phố Hải Phòng và số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007422 ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An , thành phố Hải Phòng; bà Hoàng Thị Th còn phải nộp 12.575.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh sơn